TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 3 - 2025
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Ông và bà Trần Thị C qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2004; đăng ký kết hôn ngày 21/01/2005 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K; trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Có 02 con chung Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012 hiện sống chung với bà C. Trong thời gian sống chung vợ chồng có tạo lập được tài sản chung: 01 căn nhà tiền chế (ngang 13m x dài 16m) xây cất trên đất của ông nội ông cho

riêng ông vào năm 2004 diện tích khoảng 210m^2 tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do ông đứng tên QSD đất, hiện bà C đang quản lý sử dụng; 01 chiếc xe máy hiệu Future 64K1-43713 do ông đứng tên chủ sở hữu, hiện ông đang quản lý sử dụng; hơn 02 công đất cố của ông H (ở xã T), giá cố 04 cây vàng 24K, hiện đất ông đang canh tác. Vợ chồng không cho ai mượn nợ và cũng không mượn nợ ai. Mâu thuẫn phát sinh là do bà C từ chối chuyện vợ chồng với ông, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 1,5 năm. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn bà Trần Thị Cẩm . Về con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012: ông Q yêu cầu giải quyết cho bà C được quyền nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra ông không yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản hòa giải ngày 12/12/2024 và ngày 25/02/2025 bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Q về thời gian kết hôn và quá trình sống chung; vợ chồng bà có đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K; trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Có 02 con chung Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012 hiện sống chung với bà. Trong thời gian sống chung vợ chồng có tạo lập được tài sản chung: 01 căn nhà tiền chế (ngang 13m x dài 16m) xây cất trên đất của ông nội ông Q cho vào năm 2005 diện tích khoảng 210m^2, tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do ông Q đứng tên QSD đất, hiện bà đang quản lý sử dụng; 01 chiếc xe máy hiệu Future 64K1-43713 do ông Q đứng tên chủ sở hữu, hiện ông Q đang quản lý sử dụng; hơn 02 công đất cố của ông H (ở xã T), giá cố 04 cây vàng 24K, hiện đất ông Q đang canh tác. Vợ chồng không cho ai mượn nợ và cũng không mượn nợ ai. Mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông Q ngoại tình nhiều lần, ông Q sống chung với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, theo yêu cầu khởi kiện của ông Q; bà có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Văn Q. Về con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012: bà yêu cầu giải quyết cho bà được quyền nuôi, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà yêu cầu giải quyết chia đôi diện tích đất khoảng 210m^2 tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, nguồn gốc đất do ông nội ông Q cho vào năm 2005, hiện ông Q đứng tên QSD đất, bà yêu cầu được hưởng khoảng 100m^2 gắn liền với căn nhà tiền chế (ngang 13m x dài 16m), ông Q được hưởng khoảng 100m^2; đối với 01 chiếc xe máy hiệu Future 64K1-43713 do ông Q đứng tên chủ sở hữu và hơn 02 công đất cố của ông H (ở xã T) giá cố 04 cây vàng 24K: bà không tranh chấp; Về nợ

chung: không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024, cháu Nguyễn Như Y trình bày:* cha cháu là ông Nguyễn Văn Q, mẹ là bà Trần Thị C; trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

- *Tại phiên tòa*:

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Trần Thị Cẩm . Về con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005 đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết; giao con chung Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012 cho bà C được quyền nuôi dưỡng, ông Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: buộc ông Q nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0000095 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thị C, bà C có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Q là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Ông, bà không còn sống chung từ tháng 5/2024 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người

đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà C, ông yêu cầu được ly hôn; bà C đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Q được ly hôn bà C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005: đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012. Ông Q yêu cầu giải quyết cho bà C được quyền nuôi. Xét thấy từ khi ông Q và bà C không còn sống chung, bà C là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; cháu Như Y có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản:

Ông Nguyễn Văn Q không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Bà Trần Thị C yêu cầu giải quyết chia đôi diện tích đất khoảng 210m^2, nguồn gốc đất do ông nội ông Q cho vào năm 2005, tọa lạc xã T, huyện B, do ông Q đứng tên QSD đất, bà C yêu cầu được hưởng khoảng 100m^2 gắn liền với căn nhà tiền chế (ngang 13m x dài 16m), ông Q được hưởng khoảng 100m^2. Tuy nhiên bà C không làm đơn yêu cầu, không nộp tiền tạm ứng chia tài sản chung theo quy định. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị C .

2. Về con chung:

Nguyễn Quốc V, sinh ngày 31/10/2005: đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Như Y, sinh ngày 13/8/2012 cho bà Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do ông Q nộp theo biên lai thu số 0000095 ngày 05/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy ông Q đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Bình, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long
- Các đương sự;
- Lưu.